

DANH SÁCH LÊN LỚP NĂM 2011 - 2012

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-CĐ CTIM ngày: / /)
của Hiệu trưởng Trường CĐ CTIM

Khóa học : C12_10

Hệ ĐT : Cao đẳng chính quy

Ngành : Quản trị kinh doanh

Lớp học : Quản trị kinh doanh 2 - K12

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		XL RL	ĐIỂM TRUNG BÌNH			ĐVHT KĐ	TỔNG ĐVHT
					HK-1	HK-2	CN		
1	1010090062	Lâm Trần	Khánh		6.05	6.13	6.09	7	109
2	1010090064	Nguyễn Văn	Khen		5.47	6.58	5.97	4	109
3	1010090065	Lê Anh	Khoa		6.47	7.29	6.84		109
4	1010090066	Nguyễn Đăng	Khoa		6.02	6.69	6.32		109
5	1010090067	A Huỳnh Thiệu	Khuấn		5.91	5.81	5.86		109
6	1010090068	Nguyễn Văn	Khôi		6.17	6.17	6.17		109
7	1010090069	Nguyễn Thị Duy	Khương		6.56	6.50	6.53		109
8	1010090071	Trần Thị	Kim		6.36	7.00	6.65		109
9	1010090072	Lê Thị	Lạc		6.63	7.31	6.93		109
10	1010090074	Lê Thị	Lệ		7.38	7.29	7.34		109
11	1010090075	Lê Thị Minh	Liên		7.48	7.73	7.59	3	109
12	1010090076	Trình Thị	Liên		6.81	6.98	6.89		109
13	1010090077	Võ Thị	Liễu		5.80	6.67	6.19	8	109
14	1010090078	Lý Thị Dương	Liễu		6.44	7.04	6.71		109
15	1010090079	Trần Kiều	Linh		5.77	5.65	5.72	4	109
16	1010090080	Nguyễn Thị Ngọc	Linh		6.95	7.44	7.17		109
17	1010090081	Thái Thị Mỹ	Linh		7.91	7.79	7.85		109
18	1010090082	Đỗ Thị Ngọc	Linh		6.77	6.44	6.62		109
19	1010090083	Lê Thị	Lợi		5.52	6.46	5.94	8	109
20	1010090084	Lê Nguyễn Hoàng	Long		6.44	6.85	6.62		109
21	1010090086	Nguyễn Tấn	Lượng		6.30	6.67	6.47		109
22	1010090087	Nguyễn Thị	Luyến		7.02	8.21	7.55		109
23	1010090088	Lưu Ngọc	Lý		6.44	7.85	7.07		109
24	1010090089	Huỳnh Quốc	Mãn		6.27	7.27	6.72		109
25	1010090090	Nguyễn Hoàng	Minh		6.25	6.77	6.48		109
26	1010090093	Huỳnh Hồng Ngọc	Mỹ		6.72	7.52	7.08		109
27	1010090094	Thái Thị Kiều	Mỹ		5.72	6.52	6.08		109
28	1010090096	Nguyễn Đức	Nam		5.80	6.33	6.03		109
29	1010090097	Vương Mỹ	Ngân		6.53	7.48	6.96		109
30	1010090098	Ngô Trọng	Nghĩa		5.73	5.19	5.49	13	109
31	1010090099	Phạm Nguyễn Trần Tuyết	Ngọc		6.78	6.79	6.78		109

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	XL RL	ĐIỂM TRUNG BÌNH			ĐVHT KĐ	TỔNG ĐVHT
				HK-1	HK-2	CN		
32	1010090100	Huỳnh Hồng Ngọc		6.23	6.58	6.39		109
33	1010090101	Trương Mỹ Ngọc		6.23	6.21	6.22		109
34	1010090102	Lê Phạm Duy Ngọc		5.97	5.79	5.89	3	109
35	1010090103	Nguyễn Thị Cao Nguyên		6.31	6.48	6.39		109
36	1010090104	Nguyễn Đăng Thanh Nhã		6.08	6.44	6.24		109
37	1010090105	La Nguyễn Minh Nhật		6.05	5.69	5.89		109
38	1010090106	Nguyễn Hoàng Nhật		5.80	5.00	5.44	6	109
39	1010090107	Trương Thị Bích Nhi		5.36	6.38	5.82	4	109
40	1010090108	Nguyễn Thị Yến Nhi		5.69	6.17	5.91		109
41	1010090109	Lê Thị Tuyết Nhung		6.11	7.00	6.51	4	109
42	1010090110	Nguyễn Hoàn Xuân Nữ		6.45	7.06	6.72		109
43	1010090113	Nguyễn Cao Phong		5.47	5.96	5.69	7	109
44	1010090115	Trịnh Hoàng Phúc		5.91	6.23	6.05	3	109
45	1010090116	Nguyễn Thị Hồng Phúc		6.34	7.27	6.76		109
46	1010090117	Đinh Công Phúc		5.83	6.81	6.27	4	109
47	1010090118	Trần Duy Phước		6.33	7.77	6.97		109
48	1010090119	Huỳnh Hữu Phước		6.00	6.83	6.37		109
49	1010090120	Nguyễn Hoàng Nhất Phương		6.14	7.08	6.56		109
50	1010090122	Nguyễn Thị Thanh Phương		6.42	7.13	6.74		109
51	1010090176	Nguyễn Thị Thuận		6.58	6.71	6.64		109
52	1010090222	Nguyễn Thị Bé Tuyền		6.75	6.98	6.85		109

Tổng số : 52

TP. Hồ Chí Minh, ngày/....../ 20....

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI LẬP BẢNG